**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN A**
TỈNH AN GIANG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/DS-ST
Ngày: 22/5/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Lê Thanh Hoàng.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Thanh Bình;

Bà Trần Thị Trúc Mai**.**

*Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

*Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày **22** tháng **5** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Phương H,** sinh năm 1996.

Cư trú: : tổ 23, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

*Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1973.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Bùi Hữu H**, sinh năm: **19**

Cùng cư trú: tổ 24, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà H có mặt, ông H vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 15/9/2017 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, bà Nguyễn Thị Phương H trình bày:*

Do quen biết nên bà có cho bà Th vay 03 lần tổng số tiền 47.000.000 đồng, hai bên có làm giấy tay, lãi suất 3%/tháng, mục đích bà T vay chuộc đất cho mẹ ruột, thời gian vay vài tháng sau sẽ thanh toán, cụ thể từng lần vay như sau:

- Lần thứ 1: Vào ngày 18/01/2017 vay 17.000.000 đồng, bà T nhận tiền và đóng lãi đến tháng 5/2017 thì ngưng.

- Lần thứ 2: Vào ngày 13/6/2017 bà T tiếp tục vay 20.000.000 đồng, bà T nhận tiền nhưng chưa đóng lãi lần nào.

- Lần 3: Vào ngày 30/6/2017 bà T tiếp tục hỏi vay 10.000.000 đồng. Đối với lần này không làm giấy tay mà chỉ ghi thêm vào giấy nợ ngày 13/6/2017, bà T nhận tiền nhưng không đóng lãi đến nay.

Đến hạn không thấy bà T đóng lãi hay thanh toán nợ gốc, bà có yêu cầu nhiều lần nhưng không được nên khởi kiện. Nay bà yêu cầu bà T cùng chồng là ông Bùi Hữu H cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền 47.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến khi xét xử.

Đối với số tiền vay 17.000.000đ vào ngày 18/01/2017, do bà T không thừa nhận là chữ ký của bà, bà có yêu cầu Tòa án tiến hành việc giám định chữ ký. Tuy nhiên, do hiện nay bà chưa đủ điều kiện cung cấp đầy đủ chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án để phục vụ cho việc giám định, nên bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này và sẽ khởi kiện bà T bằng một vụ án dân sự khác thi có đủ điều kiện về chứng cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H cũng rút lại yêu cầu về việc ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ cho bà mà chỉ yêu cầu một mình bà T phải trả nợ

*Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà chỉ thừa nhận vay của bà H tiền vốn 16.000.000 đồng nhưng đồng ý thanh toán 30.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào năm 2017 (không nhớ rõ ngày tháng) bà có vay của bà H số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, bà đóng lãi được vài tháng thì ngưng. Đến tháng 6/2017, bà H cộng dồn tiền lãi là 10 triệu đồng và yêu cầu ký lại biên nhận khác với số tiền 20 triệu đồng.

- Lần thứ 2: Cùng năm 2017 (không nhớ rõ ngày tháng) bà tiếp tục vay 6.000.000 đồng, sau khi nhận tiền bà không đóng lãi nên bà H dồn phần lãi vào tiền gốc là 10.000.000 đồng.

Riêng số tiền 17 triệu đồng tại giấy nhận tiền ngày 18/01/20147 bà không thừa nhận vay của bà H và chữ ký trong biên nhận nợ là của bà. Nay bà đồng ý trả cho bà H bằng 30.000.000đ và trả bằng cách mỗi tháng là 500.000đ cho đến khi dứt nợ. Việc bà vay tiền không liên quan đến chồng bà là ông H nên xin trả nợ một mình mà không liên quan đến ông H.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Hữu H đã được thông báo hợp lệ đến tham dự phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng ông Hùng vắng mặt.

Giai đoạn hòa giải bà H yêu cầu giám định chữ ký của bà T tại biên nhận ngày 18/01/2017. Tuy nhiên, đến ngày 13/3/2018 bà H rút yêu cầu giám định và một phần

yêu cầu khởi kiện đối với bà T. Hai bên thống nhất số nợ, bà T phải thanh toán cho bà H là 30 triệu đồng.

Tại phiên toà hôm nay: Bà H bảo lưu ý kiến. Bà T, ông H vắng mặt lần 2 nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bà H, ông H theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của bà H về việc bà T phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền vốn 30.000.000đ và lãi suất theo quy định từ tháng 6 năm 2017 đến nay là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H, ông H đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt ông, bà theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết "Hợp đồng vay tài sản". Do tranh chấp hợp đồng dân sự nên Tòa án thụ lý giải quyết theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu – thẩm quyền: Các bên xác định cho vay vào tháng 6/2017, do bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên đến tháng 9/2017, bà H khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà T cư trú tại tổ 24, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, theo điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Hợp đồng vay tài sản giữa các bên được lập thành văn bản trên cơ sở các bên tự thỏa thuận với nhau đúng theo nguyên tắc tự nguyện phù hợp với pháp luật nên xem là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà H, HĐXX xét thấy: Hai bên thống nhất thanh toán số nợ 30 triệu đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bà H tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 17.000.000đ theo giấy nhận tiền ngày 13/6/2017 và rút lại yêu cầu về việc ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T để trả nợ cho bà, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu này của bà H và HĐXX sẽ đình chỉ việc giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà H.

Đối với số tiền 30.000.000đ còn lại, bà T chỉ thừa nhận tiền vốn là 16.000.000 đ, tiền lãi là 14.000.000đ nhập vào vốn. Tuy nhiên, bà không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu bà giao nộp bổ sung

chứng cứ nhưng bà đã không thực hiện và bà cũng đã đồng ý trả cho bà H số tiền 30.000.000đ tiền vốn, xin không trả phần lãi.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bà bà T phải trả cho bà số tiền vay 30.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Về lãi suất: Bà H yêu cầu tính lãi suất từ tháng 6/2017 đến khi xét xử, đối với số tiền 30.000.000đ, bà T xin được miễn lãi suất nhưng không được bà H chấp nhận. Xét thấy khi hai bên thỏa thuận vay tiền là có thỏa thuận lãi suất, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận

Theo Quyết định số 2868/QĐ.NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định hiện nay là 9%/năm bằng 0.75%/tháng, lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự được nhận là không quá 20%/năm bằng 1.667%/tháng, nên lãi suất được tính theo quy định, cụ thể như sau:

Từ tháng 6/2017 đến tháng 5/2018 là 11 tháng, được tính: 30.000.000 x 1.6667% x 11 tháng = 5.500.000đ

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà Hằng số tiền cả vốn và lãi là 35.500.000đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Còn thời gian trả như thế nào thì sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật

Đối với số tiền 17.000.000đ Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án dân sự khác, khi bà H có đơn khởi kiện.

Về trách nhiệm trả nợ: Do bà T vay tiền là để phục vụ cho mục đích sinh hoạt chung của gia đình, nên ông Hùng phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T để trả nợ cho bà H.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

**Xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương H.

Bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Phương H số tiền 35.500.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H với bà T đối với số tiền 17.000.000đ tại biên nhận nợ ngày 18/01/2017 và việc bà yêu cầu ông H phải liên đới trách nhiệm cùng bà T để trả nợ cho bà.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Bà T phải chịu 1.775.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện A hoàn lại cho bà H 1.175.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010832 ngày 06/10/2017.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

***Nơi nhận:***
- VKSND (2);
- TAND tỉnh (1);
- Chi cục THADS (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Lê Thanh Hoàng**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- VKSND An Phú (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS An Phú (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**Lê Thanh Hoàng**